

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2026/LĐ-ST
Ngày 01-7-2026
V/v tranh chấp yêu cầu tuyên bố
hợp đồng lao động vô hiệu

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Nguyên Phó trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng.

Bà Lý Thị Thiên Nga – Nguyên Phó chủ tịch UBND phường Đồng Quốc Bình, TP Hải Phòng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án khu vực 3 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2026/TLST-LĐ ngày 09 tháng 02 năm 2026 về việc “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2026/QĐXXST-LĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Chu Thị Thanh H, sinh năm 1975; số CCCD: 031175001846; nơi cư trú: Thôn B, xã A, Huyện A(nay là tổ dân phố B, phường A), thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Hải Y; địa chỉ tại: Công ty Luật TNHH MTV C, P103 toà nhà T, phường N, thành phố Hải Phòng. Bà Y có mặt.

- Bị đơn: Trường Mầm non A; địa chỉ: Tổ dân phố Lê Lác 2, phường A, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Hương – Hiệu trưởng Trường mầm non A. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Chu Thị Q, sinh năm 1977; số CCCD: 031177008443; nơi cư trú: T, xã A, huyện A (nay là tổ dân phố T, phường A), thành phố Hải Phòng; có mặt.

+ Bảo hiểm xã hội cơ sở A, thành phố Hải Phòng; địa chỉ trụ sở: Số 16 đường 351 phường A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 01 năm 2026, tại bản tự khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Chu Thị Thanh H trình bày:

Tháng 4 năm 2001, tôi ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty As'ty Việt Nam tại Khu công nghiệp Nomura huyện A thành phố Hải Phòng và từ tháng 4/2001 Công ty As'ty Việt Nam bắt đầu đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho tôi. Thời gian tôi làm việc liên tục tại Công ty As'ty Việt Nam từ 4/2001 đến tháng 4/2020. Trong quá trình làm việc từ tháng 11/2006 đến tháng 2/2007 và từ tháng 7/2012 đến 10/2012 tôi nghỉ chế độ thai sản. Tháng 5/2020 tôi nghỉ việc tại công ty Công ty As'ty Việt Nam. Từ tháng 5/2020 đến tháng 7/2020 tôi chưa có việc làm nên nhận trợ cấp thất nghiệp theo Quyết định số 11258/QĐ-SLĐTBXH ngày 17/6/2020 của Sở lao động thương binh và xã hội Hải Phòng. Từ tháng 8/2020 tôi đi làm tại Công ty TNHH Súc Bật và được công ty đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ tháng 8/2020 đến 02/2021. Từ tháng 4/2021 đến nay tôi làm việc tại Công ty TNHH Hestra Matsuoka Việt Nam và được công ty đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ tháng 5/2021 đến nay.

Cùng thời gian tháng 01/2007 tôi cho chị Chu Thị Q, sinh năm 1977, địa chỉ: T, phường A, thành phố Hải Phòng mượn hồ sơ cá nhân để ký hợp đồng lao động với trường mầm non xã A có địa chỉ tại thị trấn A, thành phố Hải Phòng (Nay là phường A, thành phố Hải Phòng) và tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc với tên của tôi là Chu Thị Thanh H từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2023. Quá trình làm việc chị Q có nghỉ thai sản từ tháng 1/2009 đến tháng 4/2009. Đến 01/01/2024 chị Q nghỉ việc và không tham gia đóng bảo hiểm xã hội nữa. Lý do tôi cho chị Q mượn hồ sơ cá nhân để chị Q làm việc vì chị Q là em ruột của tôi nên tôi muốn hỗ trợ, tạo điều kiện cho chị Q làm việc. Thực tế tôi chưa từng làm việc tại trường mầm non A.

Chị Chu Thị Q làm việc tại trường mầm non A nhưng tên trên hợp đồng lao động lại sử dụng tên của tôi và Công ty As'ty Việt Nam, Công ty TNHH Súc Bật, Công ty TNHH Hestra nơi tôi làm việc đều tham gia đóng Bảo hiểm xã hội bắt buộc cho cùng một người là tôi Chu Thị Thanh H dẫn đến tôi có 02 sổ Bảo hiểm xã hội, cụ thể:

+ Mã số: 0302014993 là mã số BHXH cấp cho Chu Thị Thanh H làm việc tại Công ty As' ty Việt Nam, Công ty TNHH Sức Bật và Công ty TNHH Hestra Matsuoka Việt Nam (đây là sổ bảo hiểm tôi cùng tham gia đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian tôi làm việc tại các công ty trên từ tháng 4/2021 đến nay).

+ Mã số: 0307036400 là mã số BHXH cùng cấp cho Chu Thị Thanh H làm việc tại trường mầm non A nhưng thực tế là chị Q làm việc và do chị Q cùng trường mầm non A đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2023 chứ không phải do chị đóng.

Do hiện nay chị đang có hai sổ BHXH: Một sổ tại BHXH cơ sở A và một sổ tại BHXH thành phố nên chị gặp khó khăn trong việc giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

Chị H yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 3 thành phố Hải Phòng:

Tuyên bố Hợp đồng lao động được giao kết giữa chị Chu Thị Q (sử dụng tên Chu Thị Thanh H), số sổ bảo hiểm 0307036400 với trường mầm non A là hợp đồng vô hiệu. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu này và nhận chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Tại văn bản trình bày ý kiến, bị đơn trường mầm non A trình bày:

Tháng 01/2007 Trường mầm non A ký hợp đồng lao động với bà Chu Thị Thanh H sinh năm 1975; CCCD số 031175001846 do Cục CS QLHC về TTXH cấp ngày 23/12/2021; Đăng ký thường trú tại: Thôn B, xã A, huyện A (Nay là tổ dân phố B, phường A) thành phố Hải Phòng.

Quá trình bà H làm việc tại nhà trường, nhà trường đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc cho bà H từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2023, mã số bảo hiểm xã hội 0307036400.

Tại thời điểm bà H ký hợp đồng lao động với Trường Mầm non A, bà Đỗ Thị Huân là Hiệu trưởng nhà trường. Tuy nhiên, bà Huân hiện đã nghỉ việc. Bà Hằng được phân công giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Mầm non A từ tháng 3/2022 đến nay. Sau đó nhà trường được cơ quan Bảo hiểm A thông báo bà Chu Thị Thanh H có 02 mã sổ bảo hiểm nên nhà trường đã chấm dứt Hợp đồng lao động với bà H.

Hiện tại bà Chu Thị Thanh H đã có yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Trường mầm non A đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nhà trường không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu. Trường mầm non A đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án cũng như tại các phiên tòa.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Chu Thị Q trình bày:

Vào tháng 01/2007 bà H cho tôi mượn hồ sơ cá nhân để ký hợp đồng lao động với Trường mầm non xã A có địa chỉ tại thị trấn A, thành phố Hải Phòng

(Nay là phường A, thành phố Hải Phòng) và tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc với tên Chu Thị Thanh H từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2023. Lý do bà H cho tôi mượn hồ sơ cá nhân để làm việc vì tôi là em ruột của bà H nên bà H muốn hỗ trợ, tạo điều kiện cho tôi làm việc. Thực tế bà H chưa từng làm việc tại trường mầm non A.

Cùng thời gian tháng 4 năm 2001, bà H ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty As'ty Việt Nam tại Khu công nghiệp Nomura huyện Athành phố Hải Phòng và từ tháng 4/2001 Công ty As'ty Việt Nam bắt đầu đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho bà H. Thời gian bà H làm việc liên tục tại Công ty As'ty Việt Nam từ 4/2001 đến tháng 4/2020. Trong quá trình làm việc từ tháng 11/2006 đến tháng 2/2007 và từ tháng 7/2012 đến 10/2012 bà H nghỉ chế độ thai sản. Tháng 5/2020 bà H nghỉ việc tại công ty Công ty As'ty Việt Nam.

Từ tháng 5/2020 đến tháng 7/2020 bà H chưa có việc làm nên nhận trợ cấp thất nghiệp theo Quyết định số 11258/QĐ-SLĐTBXH ngày 17/6/2020 của Sở lao động thương binh và xã hội Hải Phòng.

Từ tháng 8/2020 bà H đi làm tại Công ty TNHH Súc Bật và được công ty đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ tháng 8/2020 đến 02/2021.

Từ tháng 4/2021 đến nay bà H làm việc tại Công ty TNHH Hestra Matsuoka Việt Nam và được công ty đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ tháng 5/2021 đến nay.

Thực tế tôi làm việc tại trường mầm non A nhưng tên trên hợp đồng lao động lại sử dụng tên của bà H đồng thời Công ty As'ty Việt Nam, Công ty TNHH Súc Bật, Công ty TNHH Hestra nơi bà H làm việc đều tham gia đóng Bảo hiểm xã hội bắt buộc cho cùng một người là Chu Thị Thanh H dẫn đến bà H có 02 sổ Bảo hiểm xã hội, cụ thể:

+ Mã số: 0302014993 là mã số BHXH cấp cho Chu Thị Thanh H làm việc tại Công ty As'ty Việt Nam, Công ty TNHH Súc Bật và Công ty TNHH Hestra Matsuoka Việt Nam (đây là sổ bảo hiểm bà H cùng tham gia đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian bà H làm việc tại các công ty trên từ tháng 4/2021 đến nay).

+ Mã số: 0307036400 là mã số BHXH cùng cấp cho Chu Thị Thanh H làm việc tại trường mầm non A nhưng thực tế là bà Q làm việc và do bà Q cùng trường mầm non A đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2023 chứ không phải do bà H đóng.

Nay bà Chu Thị Thanh H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu.

Tại Công văn số 215/BHXXH ngày 10 tháng 6 năm 2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội cơ sở Atrình bày:

Qua tra cứu trên hệ thống dữ liệu bảo hiểm xã hội, bà Chu Thị Thanh H có sổ bảo hiểm xã hội có mã số sổ: 0307036400 tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại trường mầm non A trong thời gian từ 01/2007 đến tháng 12/2023; tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp tại trường Mầm non A trong thời gian từ tháng 05/2009 đến tháng 12/2023.

Nay bà Chu Thị Thanh H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, Bảo hiểm xã hội cơ sở Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bảo hiểm xã hội cơ sở A không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt Bảo hiểm xã hội cơ sở A trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án cũng như tại các phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hải Phòng phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 5 Điều 32, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2026/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị Thanh H, tuyên bố hợp đồng lao động bà Chu Thị Q sử dụng thông tin cá nhân của bà Chu Thị Thanh H để ký với Trường Mầm non A là vô hiệu.

Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Chu Thị Thanh H khởi kiện Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sougou Việt Nam yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, đây là vụ án “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” quy định tại khoản 5 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có trụ sở tại phường A, thành phố Hải Phòng, nên theo quy định tại Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2026/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – Bảo hiểm xã hội cơ sở A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ lời khai của các đương sự, căn cứ các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ căn cứ để xác định: Vào thời gian từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2023, bà Chu Thị Q đã dùng hồ sơ cá nhân của bà Chu Thị Thanh H để giao kết hợp đồng lao động vào làm việc và tham gia bảo hiểm xã hội tại Trường Mầm non A với tên Chu Thị Thanh H. Cùng thời điểm đó, bà Chu Thị Thanh H cũng làm công nhân và tham gia đóng Bảo hiểm xã hội từ tháng 4/2021 cho đến tháng đến nay. Do đó, bà Chu Thị Thanh H có hai mã số bảo hiểm xã hội là Mã số: 0302014993 và Mã số: 0307036400.

Việc bà Chu Thị Q sử dụng hồ sơ cá nhân của bà Chu Thị Thanh H để giao kết hợp đồng lao động với Trường Mầm non A là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi giao kết hợp đồng lao động, đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau, quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; vi phạm điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự, quy định tại Điều 122 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do vậy, hợp đồng lao động được hai bên giao kết là hợp đồng không có hiệu lực và căn cứ các điều 122, 127 và 136 Bộ luật Dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Chu Thị Q (sử dụng tên Chu Thị Thanh H) với Trường Mầm non A trong thời gian từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2023 là hợp đồng vô hiệu.

[4] Về hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự không có ai yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[5] Về án phí: Xét, nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm nên chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 5 Điều 32, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2026/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Chu Thị Thanh H. Tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Chu Thị Q (sử dụng tên Chu Thị Thanh H) với Trường Mầm non A trong thời gian từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2023 là hợp đồng vô hiệu.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Chu Thị Thanh H tự nguyện chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí lao động sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí lao động bà Chu Thị Thanh H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001854 ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Bà Chu Thị Thanh H đã nộp đủ án phí lao động sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 3 – Hải Phòng;
- Thi hành án DS thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Phương